

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2016 - 2017

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

25/02/2017

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	361614	Trần Thị Ngọc Hoa	3616	7	30	16	12	51	345	220	565	9.5
2	361751	Hồ Thị Dịu	3617	4	13	11	16	51	210	220	430	
3	361936	Nguyễn Thị Hường	3619	10	17	19	9	28	280	80	360	
4	360168	Bùi Văn Kiên	3601	8	11	15	7	33	190	110	300	
5	360967	Trần Văn Lượng	3609	2	14	9	6	31	135	95	230	
6	371846	Trần Thị Hoa	3718	5	26	16	13	72	315	350	665	10.0
7	371043	Lê Thị Hồng Loan	3710	10	15	15	19	32	310	100	410	
8	371833	Trần Thu Trang	3718	10	14	12	10	31	220	95	315	
9	370635	Lê Việt Hoà	3706	7	17	8	15	28	230	80	310	
10	372733	Nguyễn Tiến Kiên	3727	5	12	5	12	27	150	70	220	
11	372711	Hà Vĩnh Đức	3727	4	7	10	13	19	150	25	175	
12	380163	Lê Huy Cường	3801	10	29	25	21	87	470	430	900	10.0
13	382706	Đặng Thu Hà	3827	9	25	20	20	86	400	425	825	10.0
14	381359	Nguyễn Minh Đức	3813	10	24	26	23	68	460	325	785	10.0
15	382041	Dương Mai Anh	3820	8	24	26	16	74	400	360	760	10.0
16	381552	Đỗ Thanh Lâm	3815	5	20	23	11	88	310	435	745	10.0
17	381516	Hoàng Thị Phương	3815	10	24	21	20	70	405	335	740	10.0
18	381616	Lê Thị Thu Hà	3816	7	17	25	16	78	345	385	730	10.0
19	382061	Đỗ Quỳnh Anh	3820	8	28	21	23	62	440	285	725	10.0
20	381146	Trần Thị Thu Thảo	3811	10	26	14	30	59	440	265	705	10.0
21	381449	Nguyễn Thu Nga	3814	5	24	22	23	62	400	285	685	10.0
22	381335	Khổng Khánh Linh	3813	6	20	20	19	68	345	325	670	10.0
23	380161	Lương Đức Đôn	3801	9	25	23	19	57	410	255	665	10.0
24	381762	Trương Mỹ Linh	3817	9	17	24	21	60	385	270	655	10.0
25	380330	Mai Thu Thủy	3803	8	20	21	23	58	390	260	650	10.0
26	380916	Nguyễn Thuý Hiền	3809	9	22	23	18	58	390	260	650	10.0
27	382637	Trịnh Văn Lên	3826	9	23	18	19	61	370	280	650	10.0
28	381156	Nguyễn Hữu Tùng	3811	6	23	20	16	64	345	300	645	10.0
29	380266	Đỗ Quang Anh	3802		18	21	22	67	320	320	640	10.0
30	381441	Nguyễn Thị Phương Thảo	3814	7	18	20	19	64	340	300	640	10.0
31	381511	Nguyễn Tiến Dũng	3815		29	16	25	58	380	260	640	10.0
32	382658	Nguyễn Hoàng Hải	3826	7	20	19	17	63	330	290	620	10.0
33	380325	Lê Thị Phương Thảo	3803	6	25	16	20	57	360	255	615	10.0
34	380148	Nguyễn Tiến Cường	3801	9	23	19	19	53	380	230	610	10.0
35	380563	Nguyễn Thị Thu Hằng	3805	7	17	19	20	61	330	280	610	10.0
36	381448	Vũ Việt Hùng	3814	7	16	17	18	66	300	310	610	10.0
37	382057	Vũ Thu Hằng	3820	4	19	14	16	70	270	335	605	10.0
38	380454	Hoàng Diệu Linh	3804	7	19	14	15	66	280	310	590	10.0
39	382040	Nguyễn Thu Giang	3820	6	18	18	16	63	300	290	590	10.0
40	381513	Đàm Thu Thảo	3815	9	22	16	18	55	345	240	585	10.0
41	381664	Trương Hà Phương	3816	6	20	17	18	59	320	265	585	10.0
42	380225	Phạm Thị Thu Trang	3802	8	17	16	20	56	320	250	570	9.5
43	381731	Đoàn Thị Hương	3817	6	16	21	18	56	320	250	570	9.5
44	382710	Trần Duy Hiếu	3827	8	22	15	24	48	370	200	570	9.5
45	381863	Nguyễn Quang Việt	3818	9	15	15	24	54	330	235	565	9.5
46	381544	Nguyễn Thị Tố Trinh	3815	10	24	21	17	43	390	170	560	9.5
47	382042	Hoàng Việt Hà	3820	5	22	15	12	61	275	280	555	9.5
48	380101	Quách Thu Hằng	3801	10	27	29	13	35	430	120	550	9.5

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2016 - 2017

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

25/02/2017

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	381342	Bùi Linh Chi	3813	6	19	16	16	56	295	250	545	9.5
50	380141	Trần Quốc Lương	3801	9	18	21	14	50	325	215	540	9.5
51	380702	Nguyễn Thị Hạnh Nhung	3807	10	16	14	24	47	340	195	535	9.5
52	381566	Dương Thị Phương Hà	3815	4	15	15	16	62	250	285	535	9.5
53	382448	Vũ Hữu Toàn	3824	6	16	21	18	49	320	210	530	9.0
54	382712	Trần Phương Anh	3827	5	13	14	15	64	230	300	530	9.0
55	382363	Nguyễn Đan Phương	3823	7	17	17	19	49	315	210	525	9.0
56	381347	Hoàng Thị Hạnh	3813	6	14	11	22	56	270	250	520	9.0
57	380336	Lê Thị Thảo	3803	4	19	14	12	60	245	270	515	9.0
58	381543	Lê Thị Mai Ngọc	3815	6	17	13	21	51	295	220	515	9.0
59	381138	Đinh Thị Tuyết Tuyết	3811	7	21	18	11	50	295	215	510	9.0
60	381741	Nguyễn Hải Anh	3817	9	18	16	20	45	330	180	510	9.0
61	382050	Nguyễn Thị Phương Hoa	3820	7	23	15	10	52	280	225	505	9.0
62	382714	Trần Văn Quỳnh	3827	5	10	17	13	63	215	290	505	9.0
63	381546	Thắm Hoàng Anh	3815	10	17	15	19	45	320	180	500	8.5
64	382721	Trần Việt Hải	3827	8	19	14	14	51	280	220	500	8.5
65	380441	Hoàng Mạnh Tuấn	3804	6	17	18	16	48	295	200	495	8.5
66	382060	Phạm Thị Thuỳ Linh	3820	5	16	25	15	44	320	175	495	8.5
67	380153	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	3801	8	19	16	14	47	295	195	490	8.5
68	380646	Nguyễn Thị Thảo	3806	7	13	11	11	63	195	290	485	8.5
69	381458	Trần Thị Thùy Linh	3814	6	22	18	16	41	325	160	485	8.5
70	380746	Đậu Ngọc Mai	3807	7	15	8	11	63	190	290	480	8.5
71	380857	Bế Thị Hương	3808	6	22	24	9	41	320	160	480	8.5
72	381234	Nguyễn Thị Như Hoa	3812	8	19	15	5	56	230	250	480	8.5
73	381550	Ngô Đức Duy	3815	9	15	11	12	56	230	250	480	8.5
74	382701	Nguyễn Thị Diệu ánh	3827	4	21	18	12	47	280	195	475	8.5
75	381525	Trần Thị Thuý Ly	3815	9	11	24	13	44	295	175	470	8.0
76	382067	Nguyễn Thị Tú Anh	3820	7	17	8	17	52	245	225	470	8.0
77	380404	Võ Thị Như Hoa	3804	7	16	18	12	47	270	195	465	8.0
78	380249	Nguyễn Phương Linh	3802	5	19	14	14	48	260	200	460	8.0
79	382020	Phan Thị Phương Anh	3820	6	21	13	19	39	310	145	455	8.0
80	381535	Nguyễn Thị Hương Liên	3815	7	15	11	12	54	215	235	450	8.0
81	381141	Nguyễn Hồng Ngọc	3811	5	10	14	15	53	210	230	440	
82	381436	Lê Thị Thanh Hà	3814	6	12	19	8	52	215	225	440	
83	382708	Nguyễn Hương Giang	3827	9	14	8	8	58	180	260	440	
84	380248	Hà Thị Minh Ngân	3802	6	18	8	16	47	240	195	435	
85	380452	Trần Thị Ngọc Trang	3804	7	14	15	15	45	255	180	435	
86	381722	Lê Thị Thảo	3817	9	7	17	9	55	195	240	435	
87	381554	Hà Đức Anh	3815	6	18	16	10	44	250	175	425	
88	382671	Phạm Thị Hiền	3826	7	13	16	15	43	255	170	425	
89	382702	Mai Thanh Bách	3827	4	20	18	15	36	295	125	420	
90	380632	Nguyễn Thị Thu Trang	3806	9	11	12	7	54	180	235	415	
91	381622	Nguyễn Anh Tú	3816	6	21	15	10	40	260	150	410	
92	381633	Cao Lệ Thu	3816	6	15	10	13	48	210	200	410	
93	381844	Lưu Thị Trâm Anh	3818	5	15	13	11	47	210	195	405	
94	380546	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	3805	1	13	15	14	48	200	200	400	
95	382670	Tạ Ngọc ánh	3826	6	15	14	11	45	220	180	400	
96	381818	Nguyễn Thị Lâm Oanh	3818	5	14	10	15	45	210	180	390	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2016 - 2017

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

25/02/2017

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	380438	Nguyễn Minh Đông	3804	6	16	9	17	39	240	145	385	
98	382531	Đoàn Thị Lan	3825	8	13	15	12	39	240	145	385	
99	381719	Nguyễn Thị Phương	3817	6	16	16	12	35	250	120	370	
100	381745	Nguyễn Như Sơn	3817		14	12	11	47	170	195	365	
101	382675	Hoàng Anh Dũng	3826	6	15	16	11	32	240	100	340	
102	381610	Hoàng Thị Phương Hoa	3816	5	13	13	10	38	190	140	330	
103	382648	Phạm Ngọc Nam	3826	5	14	12	13	35	210	120	330	
104	382653	Phạm Ngọc Linh	3826	2	8	11	13	34	150	115	265	
105	382704	Nguyễn Thị Thanh Mai	3827	2	9	11	6	30	120	90	210	
106	381559	Nguyễn Trần Diệu Linh	3815	5	8	5	13	26	135	65	200	
107	381765	Quách Công Thương	3817	4	9	4	11	26	120	65	185	
108	380429	Nguyễn Minh Duyên	3804	2	8	8	9	19	115	25	140	
109	380622	Hồ Thị Linh	3806	<i>Vi phạm quy chế : Nhờ người thi hộ</i>								
110	381052	Nguyễn Thị Hoàng Hạnh	3810									
111	381245	Nguyễn Thị Mai Lan	3812	<i>Vi phạm quy chế : Nhờ người thi hộ</i>								
112	381752	Đoàn Lan Hương	3817									
113	382341	Lê Thị Bích Phương	3823									
114	391753	Nguyễn Dương Thùy	3917	10	25	19	19	83	395	410	805	10.0
115	392364	Cao Mỹ Huyền	3923	6	23	19	19	69	360	330	690	10.0
116	391433	Phạm Thị Hoa	3914	8	22	14	16	60	315	270	585	10.0
117	391154	Phùng Phương Như	3911	6	19	14	17	47	290	195	485	8.5
118	390465	Bùi Bích Ngọc	3904									

Hà Nội, Ngày tháng năm 2016

TRUNG TÂM CNTT

PHÒNG ĐÀO TẠO

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU